

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/HS-ST

Ngày: 17/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tuy
2. Ông Ngô Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhuận - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/HSST-QĐ ngày 04/5/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị C (tên gọi khác: Nguyễn Thị N), sinh năm 1979 tại thành phố Y, tỉnh Y.

Nơi ĐKKHKT: số nhà 16, tổ 6b, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Hiện cư trú tại: khu K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị T (đã chết); có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/12/2017 đến ngày 29/12/2017; hiện đang được tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Đàm Thị H, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: khu K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

2. Phạm Văn M (tên gọi khác: C), sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Bùi Xuân H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 23/12/2017, Nguyễn Thị C nhận được điện thoại của một người đàn ông tự khai là Nguyễn Văn N, sinh năm 1970, ĐKKH tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương nhờ C tìm cho một gái bán dâm để mua dâm. C đồng ý và gọi điện thoại cho bạn là Đàm Thị H, sinh năm 1982 ở khu K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương đến nhà nghỉ T do anh Bùi Xuân H, sinh năm 1973 ở Phố G, thị trấn Phú T, K làm chủ để bán dâm cho N. Khoảng 15 giờ cùng ngày, C đến nhà nghỉ T gặp N và Phạm Văn M (tên gọi khác: Phạm Văn C), sinh năm 1971 trú tại B, L, K, Hải Dương (là bạn đi cùng N). Lúc này, M hỏi mua dâm C thì C đồng ý, N đưa cho C 1.000.000 đồng (là tiền để N mua dâm H), M đưa cho C 1.000.000 đồng (là tiền để M mua dâm C). Sau đó, C và M vào phòng 303, N vào phòng 205 đợi H đến. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi N và H đang quan hệ tình dục tại phòng 205, M và C đang quan hệ tình dục tại phòng 303 thì bị tổ công tác của Công an huyện Kim Thành kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKSKT ngày 21/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương truy tố Nguyễn Thị C về tội “Môi giới mại dâm”, theo quy định tại khoản 01 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa trình bày luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 01 Điều 328, điểm s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Ngoài ra, quan điểm của Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và giải quyết về vật chứng, án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Điều tra Công an huyện Kim Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết

định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, nội dung Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 23/12/2017, tại nhà nghỉ ở phố G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Thị C làm trung gian dẫn dắt cho một người đàn ông tự khai là Nguyễn Văn N mua dâm Đàm Thị H với giá 1.000.000đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội Môi giới mại dâm theo quy định tại khoản 01 Điều 255 Bộ luật hình sự 1999 nay là khoản 01 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015. So sánh giữa khoản 01 Điều 255 Bộ luật hình sự 1999 với khoản 01 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 thì hình phạt quy định tại khoản 01 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 nhẹ hơn. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội để truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 01 Điều 328 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới và là môi trường lây lan các căn bệnh của xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc môi giới mại dâm là trái pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 01 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, ngày 02/5/2018, bị cáo nộp được tài sản và trình báo Công an thị trấn Kinh Môn để thông báo trả lại cho người mất, được Công an thị trấn Kinh Môn đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Kinh Môn nêu gương người tốt, việc tốt. Do vậy, cần áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 02 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo giao bị cáo về địa phương nơi bị cáo cư trú giám

sát và giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân lương thiện có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 của Điều 255 Bộ luật Hình sự quy định “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000đồng đến 10.000.000 đồng”. Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo mới là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Đối với số tiền 2.000.000đồng thu giữ của bị cáo, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần phải tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn sim số 01287386994 do N giao nộp; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone6 gắn sim số 0981764264 do H nộp và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 gắn sim số 0983374537 của bị cáo C, xét thấy bị cáo, N và H đã sử dụng các điện thoại trên làm phương tiện phạm tội, nên cần phải tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước. Đối với 03 chiếc bao cao su đựng trong phong bì niêm phong không có giá trị sử dụng cần phải tịch thu cho tiêu hủy.

[7] Trong vụ án này, đối với Phạm Văn M có hành vi mua dâm, Đàm Thị H, Nguyễn Thị C có hành vi bán dâm, Công an huyện Kim Thành đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Đối với người đàn ông tự khai là Nguyễn Văn N nêu trên, Cơ quan điều tra Công an huyện Kim Thành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Kim Xuyên không có người nào có lai lịch như N khai báo, nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau. Đối với Bùi Xuân H là chủ nhà nghỉ T đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Kim Thành không đặt ra việc xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết luận có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 01, 05 Điều 255 Bộ luật hình sự 1999, khoản 03 Điều 7, khoản 01 Điều 328, điểm i, s khoản 01 và khoản 02 Điều 51, khoản 01, 02 Điều 65, điểm a, b khoản 01 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b, c khoản 02 Điều 106, khoản 02 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị C (tên gọi khác: Nguyễn Thị N) phạm tội “ Môi giới mại dâm”

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C **15 (mười lăm)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **30** tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo

Nguyễn Thị C về cho Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp Nguyễn Thị C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 01 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải nộp 5.000.000đồng(năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000đồng; Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 7 gắn số sim 0983374538; 01 điện thoại di động Iphone 6 gắn số sim 0981764994; 01 điện thoại di động Nokia gắn số sim 01287386994; Tịch thu cho tiêu hủy 03 bao cao su đựng trong phong bì niêm phong.(*Toàn bộ vật chứng nêu trên có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/4/2018 và hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương đang quản lý*)

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Kim Thành;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Bích

